

HỌC THUYẾT “CAN THIỆP NHÂN ĐẠO” trong việc gia tăng ảnh hưởng và can thiệp công việc nội bộ quốc gia khác

TS VÕ CÔNG KHÔI

Học viện Chính trị khu vực III

1. Học thuyết “can thiệp nhân đạo”

Quan niệm về “can thiệp nhân đạo” có nguồn gốc từ những tiền đề tư tưởng trong triết học Hy Lạp cổ đại về luật tự nhiên. Đến thế kỷ thứ XVI, Hugo Grotius (1583 - 1645) chính thức đầu tiên nêu lên nguyên tắc can thiệp nhân đạo với nội dung cốt lõi là mọi hình thức sử dụng lực lượng vũ trang của một quốc gia nhằm bảo vệ cuộc sống và sự tự do của công dân nước mình đang cư trú trên lãnh thổ của quốc gia khác do quốc gia đó không tự nguyện và không có khả năng để làm việc đó một mình¹. Đến thế kỷ XIX, nguyên tắc này được các học giả chính thức thừa nhận, tính hợp pháp của hoạt động can thiệp được nhìn nhận như là tập quán quốc tế và theo đó, các hoạt động mang danh nghĩa nhân đạo được tiến hành tương đối phổ biến².

Đến thế kỷ XX, lý thuyết can thiệp nhân đạo mất dần cơ sở thực tiễn trong quan hệ quốc tế và cơ sở pháp lý trong luật pháp quốc tế. Đặc biệt, Hiến chương Liên Hợp Quốc năm 1945 nêu ra các nguyên tắc nền tảng như cấm sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế, không can thiệp vào công việc của quốc gia khác, hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế... tạo ra rào cản pháp lý đối với các hoạt động can thiệp nhân đạo. Tuy vậy, nhân loại vẫn chứng kiến sự tồn tại thực tế của can thiệp nhân đạo. Nhất là sau khi kết thúc chiến tranh lạnh, hoạt động can thiệp vẫn được thực hiện ngày càng nhiều³.

Ở phương diện luật quốc tế, can thiệp nhân đạo bao gồm hai hình thức cơ bản dựa trên cơ sở của

hành động can thiệp nhân đạo: (i) can thiệp nhân đạo trên cơ sở thẩm quyền của Hội đồng Bảo an (HĐBA) Liên Hợp Quốc (LHQ) (được sự cho phép hoặc do chính HĐBA thực hiện). Theo đó, hoạt động can thiệp có cơ sở pháp lý tại Hiến chương LHQ. Cụ thể, trong những tình huống có sự đe dọa hoà bình và an ninh thế giới hoặc có sự xâm lược, HĐBA có quyền hạn lớn để chọn lựa biện pháp cần thiết (Điều 39 - Hiến chương LHQ); hoặc HĐBA có quyền tiến hành các biện pháp quân sự khi xét thấy cần thiết nhằm hiện thực hóa chức năng duy trì hòa bình và an ninh quốc tế của mình (Điều 42 - Hiến chương LHQ); (ii) can thiệp nhân đạo không trên cơ sở quyết định của HĐBA (do một hoặc nhiều quốc gia, hoặc tổ chức quốc tế đơn phương tiến hành). Hành động can thiệp này đã và đang gây ra hai luồng quan điểm trái chiều.

Nhóm quan điểm ủng hộ cho rằng, đây là một quyền tập quán quốc tế và hành động này phù hợp với mục tiêu của Hiến chương LHQ: “Thực hiện sự hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế về kinh tế, xã hội, văn hóa và nhân đạo, trong việc khuyến khích phát triển và sự tôn trọng nhân quyền và những quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, nam, nữ, ngôn ngữ hoặc tôn giáo” (Khoản 3 - Điều 1 - Hiến chương LHQ). Họ viện dẫn mục đích nhân đạo là cơ sở để thực hiện can thiệp nhân đạo. Trong trường hợp xảy ra các cuộc khủng hoảng nhân đạo khi một quốc gia rơi vào nội chiến hoặc tình trạng vô chính phủ hoặc chính phủ sở tại áp

bức người dân của chính nước họ, các quốc gia khác không thể coi các nguyên tắc cơ bản của trật tự pháp lý quốc tế về tôn trọng chủ quyền và không can thiệp là bất khả xâm phạm. Nói cách khác, sự can thiệp vào công việc nội bộ của một quốc gia có chủ quyền với mục đích ngăn ngừa hoặc ngăn chặn tội ác diệt chủng, các hành vi vi phạm quyền con người trên quy mô lớn và các thảm họa nhân đạo khác, duy trì ổn định và hòa bình trong khu vực. Khi xảy ra những trường hợp vừa nêu, các quốc gia khác có nghĩa vụ can thiệp nhằm chấm dứt thảm họa nhân đạo hoặc các hành vi vi phạm nhân quyền. Thực chất đây là quan niệm “nhân quyền cao hơn chủ quyền” hay “chủ quyền hạn chế”, đã được một số tổ chức quốc tế như NATO và các quốc gia phương Tây sử dụng như tấm bình phong can thiệp vào chủ quyền của quốc gia khác.

Theo quan điểm của nhóm phản đối, các nguyên tắc về bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia, cấm can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác vẫn nguyên giá trị trong luật quốc tế hiện đại. Nhiều văn bản của Đại hội đồng LHQ như Nghị quyết số 2131 (21 - 12 - 1965), Nghị quyết số 2625 (26 - 10 - 1970), Nghị quyết số 3314 (14 - 12 - 1974) nghiêm cấm hành vi đơn phương dùng vũ lực can thiệp vào một quốc gia khác, dù với bất kỳ lý do gì. Ngay cả trong Hiến chương LHQ, không có bất kỳ câu từ nào quy định rõ ràng về hành vi can thiệp đơn phương này. Có chăng Khoản 2 - Điều 4 của Hiến chương LHQ đề cập tính ngoại lệ của nguyên tắc cấm sử dụng vũ lực và chương VII của Hiến chương quy định HĐBA LHQ - cơ quan duy nhất có nhiệm vụ duy trì và bảo vệ hoà bình thế giới, cũng như bảo vệ và phát triển quyền con người - có thẩm quyền chính thức xác định thực tại mọi sự đe dọa hoà bình, phá hoại hoà bình hoặc hành vi xâm lược (Điều 39) và quyết định các giải pháp cần thiết và hình thức đẩy lùi các thảm họa nhân đạo, kể cả sử dụng vũ lực hoặc biện pháp quân sự khẩn cấp (Điều 42 - 45).

Như vậy, việc các quốc gia thành viên đơn phương làm thay nhiệm vụ này của HĐBA không thể biện minh quyền can thiệp nhân đạo là hợp pháp trong trường hợp này. Nói cách khác, bất kỳ hành vi đơn phương nào được tiến hành mà thiếu vắng sự đồng thuận của cộng đồng quốc tế, thông qua thiết chế HĐBA LHQ, là hết sức nguy hiểm, đe dọa đến

trật tự an ninh thế giới đã được hình thành và duy trì từ khi LHQ được thành lập. Chính vì thế, cộng đồng quốc tế đã lên tiếng phản đối bất kỳ sự can thiệp vũ trang vào một quốc gia có chủ quyền trước khi được phép của HĐBA LHQ. Rõ ràng, theo học thuyết “can thiệp nhân đạo”, một quốc gia có quyền sử dụng vũ lực can thiệp vào một quốc gia khác trên cơ sở đánh giá chủ quan của mình về tình hình của quốc gia khác là trái với nguyên tắc của Hiến chương LHQ trong quan hệ quốc tế. Tất nhiên, phủ nhận quyền can thiệp nhân đạo không có nghĩa là cộng đồng quốc tế bàng quan trước những hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền con người hay thảm họa nhân đạo. Ngược lại, cộng đồng quốc tế nhất trí lên án những trường hợp như vậy và đồng thuận đề xuất nguyên tắc “trách nhiệm bảo vệ” (the Responsibility to Protect)⁴ với mong muốn hành động can thiệp sẽ được tiến hành một cách hợp pháp và hiệu quả⁵.

2. Thực trạng hoạt động can thiệp nhân đạo trong quan hệ quốc tế

Chiến tranh lạnh kết thúc với lợi thế nghiêng hẳn về phía Mỹ và các quốc gia đồng minh thì hoạt động can thiệp nhân đạo có điều kiện phát triển. Với chính quyền Hoa Kỳ, can thiệp nhân đạo được áp dụng như là công cụ gây ảnh hưởng đến chính sách của nước bị coi là mục tiêu trong các vấn đề đi ngược lại giá trị của Mỹ hoặc bị Mỹ coi là gây nên những thảm họa nhân đạo mà Mỹ cần có trách nhiệm can thiệp. Dân chủ, nhân quyền, chống khủng bố, xung đột sắc tộc và tôn giáo trở thành các nội dung ưu tiên trong chính sách can thiệp nhân đạo của các quốc gia phương Tây, đứng đầu là Mỹ. Sau đây là một số trường hợp điển hình:

Cuộc khủng hoảng Somalia

Tháng 01 năm 1991, nhà độc tài Said Barre buộc phải từ chức dưới áp lực của “liên minh các lực lượng chống đối”. Ngay sau khi giành được quyền lực, các phe phái trong liên minh quay sang đánh nhau gây nên một cuộc nội chiến khốc liệt. Thêm vào đó, một vụ hạn hán kéo dài đã gây nên một cuộc khủng hoảng nhân đạo quy mô khá lớn. Mặc dù có sự hiện diện từ rất sớm cùng với nỗ lực ngoại giao lẫn nhân đạo từ các cơ quan của LHQ, tình hình tại Somalia vẫn tiếp tục xấu đi. Từ tháng 8 đến giữa tháng 12 năm 1992, hoạt động cung cấp cứu trợ

(OPR) do Mỹ đề xuất đã không đủ ngăn ngừa cuộc khủng hoảng nhân đạo.

Tháng 11 năm 1992, kế hoạch can thiệp quân sự do Mỹ đề xuất đã nhận được sự chấp thuận của HĐBA LHQ. Trên cơ sở Nghị quyết số 794 (ngày 03 - 12 - 1992), liên minh 20 quốc gia với khoảng 38.000 quân, trong đó gồm 20.000 lính Mỹ, đã tiến hành can thiệp quân sự vào Somalia. Cho đến nay, vẫn còn những tranh luận về việc liệu liên minh có thật sự đạt được mục tiêu một cách hiệu quả hay không⁶. Sau trận Mogadishu vào ngày 03 tháng 10 năm 1993⁷, chính quyền Clinton đã rút toàn bộ quân đội Mỹ khỏi Somalia. Một năm sau, quân đội LHQ cũng được rút đi, khiến đất nước tiếp tục đắm chìm trong nội chiến.

Thảm họa diệt chủng tại Rwanda

Mâu thuẫn sắc tộc giữa cộng đồng người Hutu chiếm đa số và cộng đồng thiểu số người Tutsi đã tồn tại từ thế kỷ XIX. Rwanda độc lập vào năm 1962 và Tổng thống Rwanda đã chính thức được bổ nhiệm lúc bấy giờ là Juvenal Habyarimana, một người Hutu. Tình hình kinh tế Rwanda ngày càng suy thoái và Tổng thống Habyarimana bắt đầu mất dần sự tín nhiệm. Trong thời điểm đó, những người tị nạn Tutsi tại Uganda đã thành lập Mặt trận yêu nước Rwanda (RPF) vào tháng 12 năm 1987. Mục tiêu chính của RPF là lật đổ chế độ Tổng thống Habyarimana và bảo đảm quyền hồi hương cho người Tutsi. Vào tháng 8 năm 1993, sau nhiều tháng đàm phán, Hòa ước Arusha giữa chính phủ Habyarimana và RPF đã được ký kết, song tình trạng bạo lực tại Rwanda vẫn không thể chấm dứt. Ngày 06 - 4 - 1994, chiếc máy bay chở Tổng thống Habyarimana trên đường trở về từ cuộc họp tại Tanzania nhằm cứu vãn Hòa ước Arusha đã bị bắn rơi. Sự kiện này đã châm ngòi cho một cuộc thảm sát trên quy mô lớn. Theo thống kê của LHQ, chỉ trong vòng 100 ngày, có tới trên 800.000 người Tutsi ôn hòa và một số ít người Hutu bị giết, ghi dấu ấn vào một trong những nạn diệt chủng kinh hoàng nhất trong lịch sử nhân loại⁸.

Trong thời kỳ diễn ra khủng hoảng, HĐBA LHQ ra nghị quyết kêu gọi chấm dứt bạo lực và đi tới một giải pháp thông qua đàm phán cho phép triển khai một lực lượng gìn giữ hòa bình (UNAMIR) gồm 2.500 lính từ 26 quốc gia (không có Mỹ). Trong khi

đó, Chính phủ Mỹ, vốn vẫn còn đau đớn trước thất bại về sự can thiệp tai hại của họ ở Somalia trong suốt mùa hè 1993, tìm mọi cách né tránh mọi sự liên quan đến Rwanda. Với những tính toán, chính quyền Clinton không có lợi ích quốc gia ở Rwanda nên không thể chấp nhận những rủi ro và chi phí sẽ phải gánh chịu nếu Mỹ can thiệp. Nhìn chung chính sách của Mỹ đối với Rwanda trong suốt thời kỳ khủng hoảng là không can thiệp.

Cuộc khủng hoảng Kosovo

Sau khi Nam Tư cũ thành lập với 6 nước cộng hòa vào năm 1946, Kosovo chỉ là một tỉnh tự trị phía nam của Serbia. Đa số người Albani sống ở Kosovo yêu cầu chính quyền Nam Tư của Josip Broz Tito trao thêm quyền lực tương đương 6 quốc gia cộng hòa. Điều này gây nên sự căng thẳng giữa hai cộng đồng người Albani và Serbia trong suốt thế kỷ XX. Hiến pháp Nam Tư năm 1974 đã trao quyền tự trị đầy đủ cho Kosovo và trao cho người Albania quyền tự quyết rộng lớn đối với các vấn đề nội bộ của họ. Cái chết của Tito vào tháng 5 năm 1980 đánh dấu một thời kỳ dài bất ổn định chính trị trên toàn Nam Tư. Tháng 5 năm 1989, Quốc hội Serbia bầu Slobodan Milosevic làm Tổng thống Serbia và ông nhanh chóng tìm cách bãi bỏ quyền tự trị của Kosovo.

Sau hơn 7 năm chủ yếu tiến hành các biện pháp phản kháng mang tính hòa bình, năm 1996, “Quân Giải phóng Kosovo” (KLA) ra đời và bắt đầu tăng cường hoạt động khủng bố vũ trang, bạo lực chống lại các lực lượng an ninh của Nam Tư, các quan chức chính phủ cũng như những cá nhân không ủng hộ KLA, kể cả người gốc Albania. Giữa tháng 7 năm 1998, sau sự kiện hơn 60 cảnh sát Serbia bị giết chết khi đánh nhau với lực lượng KLA, Tổng thống Milosevic đã ra lệnh tấn công toàn lực. Hơn 2.000 người thiểu số Albani đã bị sát hại và hơn 300.000 người phải chạy tị nạn khỏi Kosovo. Tháng 3 năm 1998, một chiến dịch quy mô lớn của quân đội Liên bang Nam Tư tấn công KLA và những người ly khai Kosovo, khiến gần nửa triệu người Albania bị buộc phải rời bỏ nhà cửa và chạy khỏi Kosovo⁹.

Trước tình hình diễn ra tại Kosovo, cộng đồng quốc tế đã cử đặc phái viên Mỹ Richard Holbrooke đàm phán với Milosevic. Tháng 10 năm 1998, đứng trước đe dọa không kích của NATO, Tổng thống

Nam Tư đã ký Thỏa thuận ngừng bắn. Tuy nhiên, Milosevic không tuân thủ Thỏa thuận này, khiến xung đột lại leo thang. Tháng 3 - 1999, NATO dưới sự lãnh đạo của Mỹ đã bắt đầu một chiến dịch không kích chưa từng có chống lại Cộng hòa Serbia và Tổng thống Milosevic dù không được phép của LHQ. Máy bay NATO đã liên tục ném bom tàn phá dữ dội thủ đô Belgrade và hàng loạt các cơ sở quân sự, kinh tế, giao thông vận tải... ở các khu vực khác thuộc Serbia. Mặc dù NATO cho rằng, hành động can thiệp của mình đã đạt được mục tiêu đề ra là tiêu diệt hoàn toàn khả năng tấn công của Serbia nhưng hậu quả không mong muốn là rất nhiều người dân thường bị thiệt mạng, nhiều cơ sở hạ tầng bị phá hủy nặng nề và hơn 1 triệu người dân Albani phải chạy tị nạn.

Tóm lại, hành động can thiệp của Mỹ và các quốc gia phương Tây vào Kosovo một cách khản trương dường như đối ngược với sự thiếu quyết liệt trong cuộc khủng hoảng ở Somalia và thái độ dửng dưng trước thảm họa diệt chủng ở Rwanda. Đây là một minh chứng rõ nét thấy yếu tố “nhân đạo” thực sự chỉ mang tính hình thức. Mặc dù Mỹ và các quốc gia phương Tây đều tuyên bố với cộng đồng thế giới việc họ tiến hành can thiệp nhân đạo vào Kosovo để bảo vệ nhân quyền cũng như chống lại sự thanh trừng sắc tộc. Tuy nhiên, cũng cần xem xét về thái độ cũng như những hành động không nhất quán của họ trong cùng một vấn đề “nhân quyền” với những đối tượng khác nhau.

Cần phải thấy rằng, Kosovo nằm ở khu vực chứa đựng những lợi ích quan trọng mang tính sống còn đối với Mỹ. Hơn nữa, đây còn là một khu vực rất đặc biệt vì vừa bao gồm những quốc gia đồng minh chiến lược quan trọng của Mỹ, cũng là địa bàn của những đối thủ cạnh tranh tiềm tàng lâu dài lại cũng vừa có những quốc gia vốn là kẻ thù trước đây mà Mỹ cần tìm cách kìm chế, cụ thể là Liên Xô cũ và các nước Đông Âu. Như vậy, những tính toán về lợi ích chính trị và an ninh chính là nhân tố chi phối quyết định can thiệp của chính quyền Mỹ và các quốc gia phương Tây, dù động cơ của hành động can thiệp thường được vin cớ vào “mục đích nhân đạo”, nhưng nhân tố này chỉ là một “vỏ bọc” khéo léo nhằm che đậy những ý đồ chính trị, kinh tế có liên quan trực tiếp đến lợi ích quốc gia của họ.

3. Quan điểm của Nhà nước Việt Nam về học thuyết “can thiệp nhân đạo”

Cho đến nay, Nhà nước Việt Nam nhất quán cho rằng nhân quyền và chủ quyền quốc gia là những khái niệm có nội hàm khác nhau, nhưng chúng có mối quan hệ biện chứng, làm tiền đề tồn tại và phát triển cho nhau. Trong khi chủ quyền quốc gia là tối cao và bất khả xâm phạm, thì nhân quyền không phải là bẩm sinh mà là sản sinh ra trong lịch sử¹⁰. Cho nên, quan niệm về nhân quyền và việc đảm bảo nhân quyền phải trên cơ sở tôn trọng chủ quyền quốc gia và chủ yếu thuộc trách nhiệm của mỗi quốc gia. Trách nhiệm pháp lý này đã được khẳng định trong Hiến chương LHQ: “Hiến chương này hoàn toàn không cho phép LHQ được can thiệp vào những công việc thực chất thuộc thẩm quyền nội bộ của bất cứ quốc gia nào” (Khoản 7 - Điều 2).

Nhân quyền là thành quả của nền văn minh nhân loại, là yếu tố có tính khách quan vốn có, thế nhưng lại luôn gắn liền với truyền thống xã hội và phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội của từng quốc gia, dân tộc nhất định. Theo đó, nhân quyền là tấm gương phản chiếu trình độ phát triển của một chế độ xã hội, trong đó quyền không bao giờ có thể cao hơn chế độ kinh tế¹¹. Vì thế, không thể nói về việc đảm bảo nhân quyền một cách đầy đủ và đúng đắn nếu không gắn nó với những điều kiện phát triển của một chế độ xã hội nhất định.

Trong những thập niên vừa qua, tình hình quan hệ quốc tế trong lĩnh vực nhân quyền đang có những thay đổi theo chiều hướng mới. Cộng đồng thế giới đang chứng kiến sự gia tăng đáng kể các cuộc xung đột về sắc tộc, dân tộc, tôn giáo ở nhiều quốc gia. Đáng chú ý, phần lớn các cuộc xung đột này là nội bộ và dân thường cùng các quyền cơ bản của họ đã trở thành đích ngắm của nhiều hành vi xâm phạm nghiêm trọng của các bên xung đột, dù sức hợp thành một thảm họa nhân đạo sâu sắc mà cộng đồng quốc tế cần quan tâm. Là một quốc gia yêu chuộng hòa bình, Việt Nam bày tỏ sự quan ngại sâu sắc và cực lực lên án các hành vi xâm phạm quyền con người của các bên xung đột. Trong khi đó, núp dưới ngọn cờ “nhân quyền” và viện dẫn lý do “can thiệp nhân đạo”, một số quốc gia phương Tây đã can thiệp thô bạo vào các quốc gia có chủ quyền. Xét về bản

chất, đây là hành động của chủ nghĩa thực dân mới thời hiện đại nhằm áp đặt một trật tự thế giới theo ý đồ của họ. Rõ ràng, dù với bất cứ lý do nào, việc dùng sức mạnh quân sự tấn công một nước là sự xâm phạm một quốc gia độc lập, có chủ quyền. Đây là điều không thể chấp nhận được vì không phù hợp với Hiến chương LHQ và các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, đặc biệt là nguyên tắc tôn trọng độc lập và chủ quyền của các quốc gia.

Tóm lại, học thuyết “can thiệp nhân đạo” không hình thành cơ sở pháp lý cho hành động can thiệp đơn phương vào một quốc gia có chủ quyền, ngay cả vì mục đích nhân đạo. Bất kỳ sự can thiệp đơn phương nào được tiến hành không được phép của HĐBA LHQ là hoàn toàn bất hợp pháp.

1. Trần Thị Vân Trà: *Luật Quốc tế và học thuyết can thiệp nhân đạo* (Luận văn Thạc sĩ 2010).
2. Năm 1820, cuộc tấn công Hy Lạp của các cường quốc phương Tây để bảo vệ người Hy Lạp theo đạo Cơ đốc giáo khỏi sự đàn áp, khủng bố của Thổ Nhĩ Kỳ; năm 1860, Pháp tấn công Syria với lý do quốc gia này đàn áp những người theo đạo Cơ đốc; năm 1877, Nga can thiệp vào Bosnia, Herzegovina và Bulgaria cũng cùng lý do tương tự; năm 1898, Hoa Kỳ can thiệp vào Cuba vì lý do muốn chấm dứt những hành động dã man, những cuộc đồ máu, sự chết đói và cảnh nghèo khổ tột tệ ở nơi đây.
3. Tháng 8 - 1990, quân đội Iraq tấn công Kuwait. Được sự đồng ý của Liên Hợp Quốc, ngày 17 - 01 - 1991, quân đội của 30 quốc gia đồng minh đồng loạt tấn công vào Iraq; những năm 1992 - 1993, được sự ủy thác của Liên Hợp Quốc, quân đội Hoa Kỳ tiến

hành can thiệp Somali; năm 1999, lực lượng NATO do Hoa Kỳ dẫn đầu đã tấn công Kosovo; năm 2003, Hoa Kỳ tấn công Iraq với lý do bảo vệ người Kurd đang bị diệt chủng bất chấp sự phản đối của Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế...

4. Theo nguyên tắc này, mỗi quốc gia có trách nhiệm bảo vệ người dân của mình trước bốn loại tội ác, gồm nạn diệt chủng, tội ác chiến tranh, thanh trừng sắc tộc và tội ác chống nhân loại. Nếu vì bất kỳ lý do nào đó, quốc gia đó không có khả năng hoặc không sẵn sàng bảo vệ người dân của mình, thì cộng đồng quốc tế có trách nhiệm can thiệp để cứu người dân khỏi thảm họa nhân đạo do các tội ác trên gây ra.
5. Human Rights Center: *The Responsibility to Protect (R2R) - Moving the Campaign forward* (University of California 2007) 2.
6. James L. Woods, ‘US Government Decision-Making Process during Humanitarian Operation in Somalia’ in Walter Clarke and Jeffrey Herbst (eds), *Learning from Somalia* (Routledge 1990) 159 - 166.
7. Trận chiến khiến 18 lính Mỹ chết và 84 người bị thương. Về phía Somali, ít nhất 300 người bị thương, nhiều người trong số đó là dân thường bị kẹt trong đám cháy.
8. Nguyễn Thái Yên Hương (chủ biên) & Nguyễn Quốc Lộc: *Can thiệp nhân đạo trong chính sách đối ngoại của Mỹ*, Nxb Thế giới, 2005.
9. Adam Robert: ‘NATO’s ‘Humanitarian War’ over Kosovo’, 41(3) *Survival* 103, 1999.
10. C. Mác và F. Ăngghen: *Toàn tập*, t. 2, Nxb CTQG, H, 1995, tr.173.
11. *Sđđ*, t. 19, tr. 36.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI...

Tiếp theo trang 78

7. Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk: *Kế hoạch phát triển ngành công thương tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025*, Đắk Lắk, 12 - 2020.
8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đắk Nông: *Báo cáo thực trạng các cơ sở sơ chế, chế biến và tiêu thụ ngành hàng nông sản trên địa bàn tỉnh và sự cần thiết ban hành Chương trình của Tỉnh ủy về phát triển các cơ sở sơ chế, chế biến và tiêu thụ ngành hàng nông sản đáp ứng chuỗi liên kết giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2025*, Đắk Nông, 4 - 2021.
9. Ủy Ban nhân dân tỉnh Gia Lai: *Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai*, Gia Lai, 2021.
10. Sở Công thương tỉnh Đắk Lắk: *Kế hoạch phát triển ngành công thương tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025*, Đắk Lắk, 12 - 2020.
11. Mỹ, Nga, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ý, Đức, Anh, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Hàn quốc, Indonesia, Li Băng, Mông Cổ, Úc, Algeria.
12. Ủy Ban nhân dân tỉnh Gia Lai: *Kế hoạch triển khai thực hiện “Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai*, Gia Lai, 2021.
13. Sở Công thương tỉnh Đắk Nông: *Báo cáo tình hình xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông hàng năm 2016 - 2020*, Đắk Nông, 2020.